

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC CHÂU
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2024/TCDS-ST
Ngày 05 tháng 4 năm 2024
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA.

- T1 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cẩm Thị Đoạ, bà Hoàng Thị Hội.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Nga - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Lý Hoàng Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2023/TLST – DS ngày 02 tháng 11 năm 2023 về vụ án: Tranh chấp quyền sử dụng đất, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXX-ST ngày 29 tháng 02 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 17 ngày 26/3/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vì Thị T, sinh năm 1977, địa chỉ: Tiểu khu X, xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, có mặt.

- Bị đơn: Bà Hà Thị Ǻ, sinh năm 1964, địa chỉ: Tiểu khu X, xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Ngân Văn K, sinh năm 1983. Địa chỉ: Tiểu khu X, xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu, Sơn La, vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Hà Văn I, địa chỉ: Tiểu khu X, xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, có mặt.

2. Ông Hà Văn S, địa chỉ: Tiểu khu X, xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

3. Ông Hà Văn Khất, địa chỉ: Tiểu khu X, xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

4. Ông Lò Văn U, địa chỉ: Tiểu khu X, xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

5. Ông Trần Trung T1, địa chỉ: Tiểu khu Y, xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

6. Ông Hà Văn B, địa chỉ: Tiểu khu Y, xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 9 năm 2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Vi Thị T trình bày:

Gia đình bà Vi Thị T có mảnh đất diện tích 1.470m² thuộc thửa số 18, 19, tờ bản đồ số 23 tại tiểu khu 8, xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số N503726, số vào sổ 00323, do UBND huyện Mộc Châu cấp ngày 10/7/1999. Nguồn gốc đất là do vợ chồng ông Hà Văn I anh trai của chồng bà cho vào năm 1994. Quá trình sử dụng đất vợ chồng bà dựng một căn nhà tạm và sinh sống ở đó. Do ông Hà Văn S2 là chồng bà nghiện ma túy, không lao động sản xuất được nên năm 2003 vợ chồng bà dời nhà đến ở trên đất của bố mẹ bà T là ông Vi Văn Chiện, bà Vi Thị Máy để dựa vào sự giúp đỡ của bố mẹ và anh em bên ngoại. Năm 2010 ông Hà Văn S2 bị ốm chết.

Sau khi vợ chồng bà dời nhà đi thì bà Hà Thị Ằ (là chị gái của ông Hà Văn S2) đến canh tác trên diện tích đất của gia đình bà. Đến năm 2021, do nhà bà đang ở bị sạt lở hết nên bà đã yêu cầu bà Hà Thị Ằ trả lại phần diện tích đất trên cho bà nhưng bà Ằ và anh Ngần Văn K (con trai bà Ằ) không nhất trí trả, cho rằng diện tích đất trên đã nhận chuyển nhượng với ông Hà Văn S2. Việc bà Ằ nhận chuyển nhượng đất với ông S2, bà hoàn toàn không biết. Nay bà yêu cầu bà Hà Thị Ằ phải trả lại toàn bộ diện tích đất là 1.470m² tại tiểu khu 8, xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Hà Văn S2, số N503726, vào sổ số 00323, được UBND huyện Mộc Châu cấp tại Quyết định số 271/QĐ-UBND ngày 10/7/1999. Bà nhất trí thanh toán cho bà Hà Thị Ằ, anh Ngần Văn K tiền công cải tạo đất là 20.000.000 đồng.

- Bị đơn bà Hà Thị Ằ trình bày :

Vào năm 2000 bà có nhận chuyển nhượng một mảnh đất với ông Hà Văn S2 (vợ Vi Thị T) với giá 4.000.000đ (bốn triệu đồng), diện tích đất có địa chỉ tại tiểu khu 8, xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, khi nhận chuyển nhượng do là chị em ruột nên bà và ông Hà Văn S2 không lập văn bản giấy tờ mà chỉ thỏa thuận miệng với nhau, khi nhận chuyển nhượng đất thì con trai bà là Ngần Văn K là người trực tiếp đưa tiền cho bà để đưa cho ông S2, việc chuyển nhượng đất chỉ có bà, anh K và ông S2 không có ai chứng kiến. Sau khi nhận chuyển nhượng bà và gia đình đã cải tạo để trồng lúa. Đến năm 2006 bà giao đất lại cho con trai bà là Ngần Văn K canh tác. Năm 2020 Ngần Văn K đã thuê ông T1 dùng máy xúc san đất hết khoảng 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), thuê ông B Mậu san lại đất 3 lần hết 13.000.000 đồng. Nay bà Vi Thị T khởi kiện yêu cầu bà trả lại toàn bộ diện tích đất nhận chuyển nhượng bà không nhất trí, vì bà không nhận chuyển nhượng đất nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông S2,

bà T. Trường hợp phải trả lại đất bà yêu cầu bà T phải thanh toán tiền cải tạo đất cho anh Ngân Văn K số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Ngân Văn K trình bày :*

Vào năm 2000 mẹ tôi là Hà Thị Ā có nhận chuyển nhượng mảnh đất với ông Hà Văn S2 với giá 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng), diện tích đất có địa chỉ tại tiểu khu 8, xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Khi mua đất do là chị em ruột với nhau nên bà Ā và ông S2 không lập văn bản giấy tờ mà chỉ thỏa thuận miệng, tôi là người trực tiếp đưa tiền cho bà Ā trả tiền ông S2, việc chuyển nhượng chỉ tôi, bà Ā và ông S2 không có ai chứng kiến.

Sau khi nhận chuyển nhượng gia đình tôi đã cải tạo để làm ruộng bậc thang để trồng lúa. Đến năm 2006 bà Hà Thị Ā đã giao đất lại cho tôi để canh tác. Năm 2020 tôi đã thuê ông Trần Trung T1 dùng máy xúc san đất hết khoảng 18.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng, năm 2021 thuê ông Hà Văn B dùng máy xúc san lại đất 3 lần, tổng là 13.000.000 đồng. Nay bà Vi Thị T yêu cầu bà Hà Thị Ā phải trả lại diện tích đất mà bà Hà Thị Ā đã nhận chuyển nhượng của ông Hà Văn S2 thì anh không nhất trí vì gia đình anh không nhận chuyển nhượng đất nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông S2, bà T mà là đất nằm ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Hà Văn S2, bà Vi Thị T. Trường hợp phải trả lại đất cho bà T thì anh yêu cầu bà T phải thanh toán cho anh số tiền cải tạo đất là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Quá trình giải quyết vụ án, theo yêu cầu của các đương sự. Tòa án tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ và Quyết định T1 lập Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản với diện tích đất tranh chấp theo quy định của pháp luật cụ thể như sau:

Về kết quả thẩm định tại chỗ và định giá ngày 21/12/2023:

I. Đối với phần diện tích đất đang có tranh chấp:

Về diện tích đất đang tranh chấp: Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 503762 của Hà Văn S2, được UBND huyện Mộc Châu cấp ngày 10/7/1999, diện tích đất thửa số 18, 19 là 1.470m² tại bản Nà Tén, thị trấn Chiềng Ve (nay là tiểu khu 8, xã Chiềng Sơn), huyện Mộc Châu, căn cứ kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 21/12/2023 xác định diện tích đất tranh chấp là 1.367m², thuộc thửa số 18, 19, tờ bản đồ số 23, tiểu khu 8, xã Chiềng Sơn, có vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía Đông từ A1 đến A2 dài 17,71m, từ A2 đến A3 dài 14,79m, đều giáp đất nhà ông Hà Văn S.

- Phía Nam từ A3 đến A4 dài 8,35m, từ A4 đến A5 dài 49,21m, đều giáp đất nhà ông Hà Văn I.

- Phía Tây từ A5 đến A6 dài 21,53m, giáp đất nhà ông Hà Văn Khát

- Phía Bắc từ A6 đến A7 dài 14,79m, từ A7 đến A8 dài 8,11m, từ A8 đến A9 dài 12,39m, từ A9 đến A1 dài 17,22m đều giáp đường đất.

II. Về tài sản trên đất: Không có tài sản gì trên đất.

Tòa án xác minh ông Hà Văn I, địa chỉ: Tiểu khu 8, xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu: Ông là anh trai của ông Hà Văn S2 (vợ là Vì Thị T), nguồn gốc đất đang tranh chấp giữa gia đình bà Vì Thị T và bà Hà Thị Ằ là do gia đình ông tặng cho ông Hà Văn S2 (vợ Vì Thị T) từ năm 1994, đến năm 1999 thì gia đình ông S2, bà T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quá trình sử dụng đất thì gia đình bà T có dựng một căn nhà gỗ tạm để ở cho đến năm 2003 thì bà T, ông S2 chuyển nhà đi nơi khác. Năm 2004 thì bà Hà Thị Ằ (là em gái ruột ông) đến canh tác tại mảnh đất của ông S2, bà T, đến năm 2020 anh Ngân Văn K có thuê máy xúc để san mức đất theo hình bậc thang để canh tác. Còn việc chuyển nhượng đất giữa 02 gia đình thì ông không biết, gia đình ông là hộ liên kế đất đang tranh chấp, ông không có tranh chấp gì và nhất trí với biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/12/2023 của Toà án.

Tòa án xác minh ông Hà Văn S, địa chỉ: Tiểu khu 8, xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu: Ông là anh trai của ông Hà Văn S2 (vợ là Vì Thị T), việc tặng cho đất giữa ông Hà Văn I và ông Hà Văn S2 (vợ Vì Thị T) như trình bày của ông Hà Văn I là đúng sự thật, việc chuyển nhượng đất giữa 02 gia đình bà Ằ, ông S2 thì ông không biết, gia đình ông là hộ liên kế mảnh đất đang tranh chấp, ông không có tranh chấp gì và nhất trí với biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/12/2023 của Toà án.

Tòa án xác minh ông Hà Văn K, địa chỉ: Tiểu khu 8, xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu: Gia đình ông là hộ có đất giáp phần đất đang có tranh chấp, giữa gia đình ông không có tranh chấp gì từ khi gia đình ông Hà Văn I cho đất gia đình ông Hà Văn S2, bà Vì Thị T, quá trình sử dụng ông biết gia đình ông S2, bà T dựng một ngôi nhà gỗ tạm để ở. Đến năm 2004 thì bà Ằ đến canh tác trồng lúa cho đến nay, việc chuyển nhượng đất giữa 02 gia đình bà Ằ, ông S2, bà T thì ông không biết. Ông nhất trí với biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/12/2023 của Toà án.

Tòa án xác minh anh Trần Trung T1, địa chỉ: Tiểu khu 4, xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu: Năm 2020 anh được anh Ngân Văn K thuê dùng máy xúc san ủi diện tích hiện nay đang tranh chấp, giữa anh và anh K thoả thuận số tiền san lấp đất khoảng 18.000.000đ đến 20.000.000đ, anh K đã thanh toán đủ số tiền cho anh, anh không có yêu cầu gì khác.

Tòa án xác minh anh Hà Văn B, địa chỉ: Tiểu khu 7, xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu: Năm 2021 anh được anh Ngân Văn K thuê anh dùng máy xúc san ủi diện tích hiện nay đang tranh chấp, giữa anh và anh K thoả thuận số tiền san lấp đất là 12.500.000đ, anh K đã thanh toán đủ số tiền cho anh, anh không có yêu cầu gì khác.

**** Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu:***

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng T1 phần như trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa sơ thẩm diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 203 Luật đất đai; khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Vì Thị T. Giao cho bà Vì Thị T sử dụng diện tích 1.367m², thuộc thửa số 18, 19, tờ bản đồ số 23, tiểu khu 8, xã Chiềng Sơn, có vị trí tiếp giáp như sau :

- Phía Đông từ A1 đến A2 dài 17,71m, từ A2 đến A3 dài 14,79m, đều giáp đất nhà ông Hà Văn S.

- Phía Nam từ A3 đến A4 dài 8,35m, từ A4 đến A5 dài 49,21m, đều giáp đất nhà ông Hà Văn Lặng.

- Phía Tây từ A5 đến A6 dài 21,53m, giáp đất nhà ông Hà Văn Khát.

- Phía Bắc từ A6 đến A7 dài 14,79m, từ A7 đến A8 dài 8,11m, từ A8 đến A9 dài 12,39m, từ A9 đến A1 dài 17,22m đều giáp đường đất.

2. Bà Vì Thị T có trách nhiệm thanh toán cho anh Ngân Văn K số tiền 30.500.000 đồng tiền công cải tạo đất.

3. Về án phí: Bà Hà Thị Ǻ phải chịu 300.000 đồng án phí DSST không giá ngạch; anh Ngân Văn K phải chịu án phí về một phần công cải tạo đất không được chấp và bà Vì Thị T phải chịu án phí về số tiền bồi thường công cải tạo đất đối với anh Ngân Văn K.

4. Về chi phí tố tụng: Bà Vì Thị T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng, do đó không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, phạm vi giải quyết và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Trong quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn bà Vì Thị T yêu cầu bị đơn bà Hà Thị Ǻ phải trả lại phần đất mà gia đình bà Hà Thị Ǻ mượn là 1.470m² thuộc thửa số 18, 19, tờ bản đồ số 23, thuộc tiểu khu 8, xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu được UBND huyện Mộc Châu cấp ngày 10/7/1999. Xét yêu cầu tranh chấp của đương sự, đối tượng tranh chấp là quyền sử dụng đất thuộc địa bàn huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, xác định quan hệ là “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” được Bộ luật Dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, theo quy định tại khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tố tụng: Xét thấy bị đơn bà Hà Thị Ǻ và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Ngân Văn K đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt.

[2] *Về nội dung tranh chấp*: Theo đơn khởi kiện của bà Vì Thị T yêu cầu gia đình bà Hà Thị Ǻ trả lại toàn bộ diện tích đất 1.470m² nằm trong thửa đất số 18, thửa số 19 tờ bản đồ số 23, được UBND huyện Mộc Châu cấp theo quyết định số N 503762 vào sổ số 00323/QĐ-UB ngày 10/7/1999 cấp cho gia đình ông Hà Văn S2 (vợ Vì Thị T).

Xét về diện tích đất tranh chấp: Ban đầu nguyên đơn cung cấp diện tích đang tranh chấp là 1.470m², sau khi thụ lý vụ kiện ngày 21/12/2023 Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đo đạc, vẽ sơ đồ hiện trạng diện tích đất đang tranh chấp tại thửa số 18, thửa số 19 tờ bản đồ số 23, được UBND huyện Mộc Châu cấp ngày 10/7/1999. Có tứ cạnh: Phía Đông từ A1 đến A2 dài 17,71m, từ A2 đến A3 dài 14,79m, đều giáp đất nhà ông Hà Văn S; phía Nam từ A3 đến A4 dài 8,35m, từ A4 đến A5 dài 49,21m, đều giáp đất nhà ông Hà Văn I; phía Tây từ A5 đến A6 dài 21,53m, giáp đất nhà ông Hà Văn Khất; phía Bắc từ A6 đến A7 dài 14,79m, từ A7 đến A8 dài 8,11m, từ A8 đến A9 dài 12,39m, từ A9 đến A1 dài 17,22m đều giáp đường đất. Xác định được phần đất tranh chấp diện tích là 1.367m² nằm trong thửa đất số 18, thửa số 19 tờ bản đồ số 23, được UBND huyện Mộc Châu cấp theo quyết định số N503762 vào sổ số 00323/QĐ-UB ngày 10/7/1999 được cấp cho gia đình ông Hà Văn S2 (vợ Vì Thị T).

Hội đồng xét xử nhận định: Việc bà Vì Thị T yêu cầu bà Hà Thị Ǻ phải trả lại phần diện tích đất có tranh chấp là 1.367m² nằm trong Giấy CNQSDĐ của hộ gia đình bà Vì Thị T là có cơ sở, bởi lẽ: Quá trình giải quyết vụ án bà Hà Thị Ǻ trình bày năm 2000 bà nhận chuyển nhượng mảnh đất trên với ông Hà Văn S2 (chồng bà Vì Thị T) với giá 4.000.000đ (bốn triệu đồng), khi nhận chuyển nhượng đất do là chị em ruột với nhau nên bà Ǻ và ông S2 không lập văn bản giấy tờ mà chỉ thỏa thuận miệng, không có ai chứng kiến việc chuyển nhượng đất, bà Ǻ không cung cấp được các căn cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình, do đó không có căn cứ xem xét cần buộc bà Hà Thị Ǻ phải trả lại phần diện tích nằm trong thửa đất số 18, thửa số 19 tờ bản đồ số 23, được UBND huyện Mộc Châu cấp theo quyết định số N 503762 vào sổ số 00323/QĐ-UB ngày 10/7/1999 được cấp cho gia đình ông Hà Văn S2 (vợ Vì Thị T) cho bà Vì Thị T. Diện tích đất tranh

chấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1.470m², tuy nhiên theo số liệu đo đạc tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ là 1.367m². Do đó, bà Vì Thị T có quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để đăng ký biến động quyền sử dụng đất phù hợp với hiện trạng sử dụng đất.

- Đối với số tiền bồi thường do cải tạo đất anh Ngân Văn K đề nghị bà Vì Thị T bồi thường 50.000.000 đồng, bà Vì Thị T nhất trí bồi thường 20.000.000 đồng. Qua xác minh có cơ sở xác định năm 2020 anh Ngân Văn K có thuê anh Trần Trung T1 dùng máy xúc cải tạo đất hết 18.000.000 đồng, năm 2021 thuê anh Hà Văn B dùng máy xúc cải tạo đất ba lần hết 12.500.000 đồng, tổng số tiền thuê cải tạo đất là 30.500.000 đồng, như vậy, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu của anh Ngân Văn K, cần buộc bà Vì Thị T thanh toán cho anh Ngân Văn K công cải tạo đất là 30.500.000 đồng .

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, tổng cộng số tiền 2.797.000 đồng, nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ, nguyên đơn đã nộp xong.

- Về án phí: Do yêu cầu của bà Vì Thị T được chấp nhận, do đó buộc bà Hà Thị Á phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, anh Ngân Văn K phải chịu án phí về một phần yêu cầu không được chấp nhận; bà Vì Thị T phải chịu án phí đối với yêu cầu của anh K được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 203 Luật đất đai; khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 158; Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vì Thị T. Giao cho bà Vì Thị T sử dụng diện tích 1.367m², thuộc thửa số 18, 19, tờ bản đồ số 23, tiểu khu 8, xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu, đất đã được cấp Giấy chứng nhận số N 503762 vào sổ số 00323/QĐ-UB ngày 10/7/1999 mang tên Hà Văn S2, có vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía Đông từ A1 đến A2 dài 17,71m, từ A2 đến A3 dài 14,79m, đều giáp đất nhà ông Hà Văn S.

- Phía Nam từ A3 đến A4 dài 8,35m, từ A4 đến A5 dài 49,21m, đều giáp đất nhà ông Hà Văn I.

- Phía Tây từ A5 đến A6 dài 21,53m, giáp đất nhà ông Hà Văn Khất.

- Phía Bắc từ A6 đến A7 dài 14,79m, từ A7 đến A8 dài 8,11m, từ A8 đến A9 dài 12,39m, từ A9 đến A1 dài 17,22m đều giáp đường đất.

(Chi tiết kích thước thửa đất thể hiện trong sơ đồ đo đạc kèm theo).

Bà Vì Thị T có quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để đăng ký biến động quyền sử dụng đất phù hợp với hiện trạng sử dụng đất.

2. Bà Vì Thị T có trách nhiệm thanh toán cho anh Ngân Văn K số tiền 30.500.000đ (Ba mươi triệu, năm trăm nghìn đồng) công cải tạo đất.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, tổng số tiền 2.797.000đ (Hai triệu, bảy trăm chín mươi bảy nghìn đồng), nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ, nguyên đơn đã nộp xong.

4. Về án phí:

Bà Hà Thị Ǻ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La;

Anh Ngân Văn K phải chịu 975.000đ (Chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La;

Bà Vì Thị T phải chịu 1.525.000đ (Một triệu, năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, được khấu trừ số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai số 0000431 ngày 02/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Bà Vì Thị T phải nộp tiếp số tiền 1.225.000đ (Một triệu, hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn bà Vì Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn bà Hà Thị Ǻ vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Ngân Văn K vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo phần bản án, quyết định liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Tòa án tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát huyện Mộc Châu;
- Thi hành án dân sự huyện Mộc Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đào Ngọc Hà